

Bản án số 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 5/12/2018
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sốc;
2. Ông Mai Văn Tài.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 5 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp - Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Khuru Thị M, sinh năm 1993;

Địa chỉ: tổ 5, ấp T, xã Đ, huyện T1, tỉnh An Giang;

Tạm trú: tổ 01, ấp T, xã C, huyện T1, tỉnh An Giang.

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: tổ 5, ấp T, xã Đ, huyện T1, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Khuru Thị M trình bày: Vào năm 2008, bà M và ông L quen biết, sau thời gian tìm hiểu sống chung với nhau, đến năm 2012 có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh vào ngày 16 tháng 10 năm 2012. Quá trình sống chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau đó thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông L không quan tâm đến gia đình và còn hành hung vợ con nên từ đầu năm 2013 sống ly thân cho đến nay. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu xin được ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/9/2009, cháu Nguyễn Thị N1, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn V L,

sinh ngày 24/03/2013 . Nay bà M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ngọc Nhi và cháu Ngọc Như, cháu Linh thì giao cho ông L được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng, và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản nên không có lời khai và qua việc tổng đạt thì được biết hiện tại hộ khẩu vẫn do địa phương quản lý, nên Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Khuru Thị M khởi kiện xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn L, ông L có nơi cư trú tại: Tổ 05, ấp Tân Trung, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Thị M và ông Nguyễn Văn L do quen biết và yêu nhau, tuy không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn vào ngày 16 tháng 10 năm 2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà M có đơn yêu cầu xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến, cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, hơn nữa theo bà M thì do ông L không quan tâm lo cho gia đình và có lúc hành hung vợ con nên thời gian sống ly thân giữa bà M và ông L đã hơn sáu năm chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, vận động tạo điều kiện cho được hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng bà M vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khuru Thị M với ông Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ con chung: Tại giấy khai sinh thể hiện bà M và ông L có 03 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 16/9/2009, cháu Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 12/02/2011 và cháu Nguyễn V L, sinh ngày 24/03/2013. Từ khi sống ly thân cho đến nay thì cháu Nhi và cháu Như sống chung với bà M, còn cháu Linh thì sống chung với ông L và tại biên bản lấy lời khai vào ngày 10/10/2018 thì

cháu Nhi và cháu Như có nguyện vọng được sống chung với bà M và bà M cũng có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu Nh nên người và tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Nguyễn Văn L thì tự nguyện giao cho ông L được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông L không có văn bản hay ý kiến gì về việc nuôi con và cháu Như, cháu Nhi hiện đang sống ổn định với bà M và cháu Linh thì đang sống chung với ông L đều có cuộc sống ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy nghĩ nên tiếp tục giao cháu Như và cháu Nhi cho bà M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cháu Linh thì giao cho ông L được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận bà M không có yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do bà Khuru Thị M xin được ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Khuru Thị M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Thị M được ly hôn ông Nguyễn văn L.

[2] Về quan hệ con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Nhi, sinh ngày 16/9/2009, cháu Nguyễn Thị N N, sinh ngày 12/02/2011 cho bà Khuru Thị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, và cháu Nguyễn VL, sinh ngày 24/03/2013 cho ông Nguyễn Văn L được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và không mất khả năng lao động. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông L và bà M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con của các bên. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà Khuru Thị M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai

bên (bà M và ông L) vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Khuru Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0001737 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hiếu Trung

